TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KHÁNH VĨNH** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 06/2017/DS – ST Ngày: 28 - 9 - 2017 V/v Tranh chấp "Yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản và yêu cầu áp dụng biện pháp ngăn chặn thiệt hại về tài sản"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K – TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa: Ông Phùng Văn Thức

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thái Văn Châu

2. Ông Nguyễn Đức Trí

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Trần Quốc Hay – Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên toà: Bà Phan Thị Thoa – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 02/2017/TLST – DS ngày 21 tháng 02 năm 2017 về việc tranh chấp *"Yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản và yêu cầu áp dụng biện pháp ngăn chặn thiệt hại về tài sản"*theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2017/QĐST – DS ngày 11 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Văn T - Sinh năm 1971

Nguyễn Thu Li – Sinh năm 1969

Địa chỉ: Số 10, hẻm 7, đường N, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Ông Nguyễn Văn T, trú tại: Số 10, hẻm 7, đường N, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Nguyễn Thu Li (Văn bản ủy quyền ngày 12/9/2017)

Ông T có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Nguyễn Trọng S – Sinh năm 1971

Nguyễn Thị L – Sinh năm 1977

Địa chỉ: Tổ 5, thị trấn Khánh Vĩnh, huyện K, tỉnh Khánh Hòa.

Bà Nguyễn Thị L, trú tại: Tổ 5, thị trấn Khánh Vĩnh, huyện K, tỉnh Khánh Hòa . Là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Nguyễn Trọng S (Văn bản ủy quyền ngày 12/9/2017)

Bà L có mặt tại phiên tòa.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Cao Văn B
- Bà Cao Thị H

Địa chỉ: Tổ 4, thị trấn K, huyện K, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- Trần Phú Hoàng D

Địa chỉ: Tổ 10, thị trấn D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tòa án đã đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trọng S, bà Nguyễn Thị L do ông S, bà L tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện; Đồng thời, ông Nguyễn Văn T, Nguyễn Thu Li rút một phần yêu cầu phải tố theo điểm b Khoản 2 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự nên: Nguyên đơn Nguyễn Trọng S, Nguyễn Thị L trở thành bị đơn; bị đơn có yêu cầu phản tố Nguyễn Văn T, Nguyễn Thu Li trở thành nguyên đơn Trong vụ án.

Tại đơn phản tố gửi đến Tòa án ngày 16/03/2017, biên bản lấy lời khai ngày 04/5/2017, Bản tường trình ngày 12/7/2017 và các tài liệu có trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Về nguồn gốc đất: Do nguyên đơn nhận sang nhượng của ông Cao Văn B và bà Cao Thị H vào năm 1997 và canh tác sử dụng cho đến nay. Trong quá trình sử dụng đến ngày 13/11/2013 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 07, tờ bản đồ số 29, với diện tích là 4.460,9 m2**.** Hiện tại đang trồng cây keo được hơn 01 năm.

Từ tháng 10/2006 ông S, bà L là người có đất giáp ranh với đất của gia đình nguyên đơn, tự ý dự hàng rào thép gai lấn sang đất nguyên đơn. Đồng thời, có hoạt động san ủi mặt bằng bằng máy móc cơ giới (máy xúc, máy ủi). Trong thời gian hoạt động san ủi mặt bằng, nhiều lần gia đình ông S đã cho xe cơ giới đi ngang qua thửa đất thuộc quyền sử dụng của gia đình nguyên đơn cày xới ngang dọc trên diện tích đất khoảng 3.000 m2 tạo thành những đường rãnh sâu không thể canh tác được. Gia đình nguyên đơn có nhắc nhở nhưng ông S, bà L vẫn không dừng lại mà vẫn ngang nhiên cày xới trên mảnh đất của gia đình nguyên đơn mặc dù nguyên đơn đã trồng cây keo và cây keo đã lên xanh tốt. Gia đình nguyên đơn cũng đã san lấp và trồng dặm lại cây keo nhiều lần trên phần đất bị cày xới nhưng rồi cũng bị cày xới lại làm cây chết tạo nên hiện trạng ngổn ngang mà sức người hiện tại không thể san lấp được.

Ở phần đất giáp ranh bên đất nhà ông S, bà L do gia đình ông S dùng máy đào sâu xuống hết phần đất giáp ranh nên mùa mưa đất của nguyên đơn đã bị sạt lở rất nhiều và kéo theo cả hoa màu tạo thành những mảng lớn, diện tích bị sạt lở khoảng 50 m2.

Với những thiệt hại về mặt bằng, hoa màu đã làm thiệt hại đến kinh tế, tài sản của gia đình nguyên đơn cụ thể như sau:

- Công san lấp mặt bằng do vết xe múc, xe ủi đi qua trên đất của gia đình nguyên đơn là 12.000.000 (mười hai triệu) đồng.

- Cây keo đã phải trồng đi, trồng lại nhiều lần 3.000 cây x 700đ/1 cây = 2.100.000 (hai triệu một trăm ngàn) đồng.

- Tiền thuê công trồng dặm 15 công x 200.000đ/công = 3.000.000 (ba triệu) đồng.

- Diện tích đất 50 m2 bị sạt lở (mất đất) trị giá 7.500.000 (bảy triệu năm trăm ngàn) đồng. Tổng thiệt hại 24.600.000 (hai mươi sáu triệu sáu trăm ngàn) đồng.

Vào ngày 25/8/2017 nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu phản tố yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản đối với 50 m2 đất bị sạt lở xuống còn 12 m2 đất bị sạt lở và tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên các yêu cầu phản tố còn lại gồm:

1. Yêu cầu cầu ông S, bà L phải bồi thường thiệt hại tài sản là 17.100.000 (mười bảy triệu một trăm ngàn) đồng và bồi thường giá trị thiệt hại 12 m2 đất bị sạt lở tính theo quy định của pháp luật, tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu bổ sung buộc bị đơn phải lấp lại diện tích đất như hiện trạng ban đầu đối với phần đất bị sạt lở 12 m2 đất.

2. Ông S, bà L phải xây bờ kè và có các biện pháp chống sạt lở phần đất giáp ranh với gia đình nguyên đơn.

Về phần chi phí đo vẽ tố tụng và tiền án phí: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Về nguồn gốc lô đất đang tranh chấp: Gia đình bị đơn có nhận sang nhượng của ông Cao Văn B và bà Cao Thị H vào năm 2002 và canh tác sử dụng liên tục, đến ngày 10/7/2013 thì được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 01; tờ bản đồ số 29, tọa lạc tại tổ 4 thị trấn K với diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 7762,7 m2, lô đất của bị đơn giáp ranh với đất của ông T, bà Li. Về ranh giới đất, do chủ sang nhượng đất ông Cao Văn B và bà Cao Thị H chỉ ranh giới nên bị đơn có rào dây thép gai theo bờ ranh theo chủ đất chỉ và canh tác sử dụng liên tục trong thời gian dài. Đến 2010 ông T, bà Li cho rằng một phần diện tích đất mà bị đơn đang canh tác là đất của họ nên có hành vi ngăn cản không cho bị đơn thực hiện quyền sử dụng đất với diện tích khoảng 200 m2, bị đơn đã khởi kiện lên Tòa án để giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết tranh chấp đất tại Tòa án, bị

đơn tự nguyện rút đơn khởi kiện đối với ông T bà Li vì lý do bị đơn đã xác định được vị trí ranh giới đất mà Nhà nước cấp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nay ông T, bà Li yêu cầu các vấn đề: Bồi thường phần đất bị sạt lở theo quy định của pháp luật và phải lấp lại diện tích đất như hiện trạng ban đầu đối với phần đất bị sạt lở 12 m2 đất; Bồi thường thiệt hại do vết xe đi qua đất của nguyên đơn là 17.100.000; Xây bờ kè và có biện pháp chống sạt lở đất về sau này. Bị đơn có ý kiến như sau:

Đối với phần đất bị sạt lở: Vào khoảng tháng 8/2015 bị đơn có hợp đồng với ông Trần Phú Hoàng D việc san ủi lấy mặt bằng, do bị đơn xác định ranh giới theo chủ đất chỉ khi nhận sang nhượng nên có chỉ cho máy múc múc đất theo ranh giới, nhưng qua quá trình đo vẽ đất xác bị đơn có lấn qua đất của ông T là 12 m2, bị đơn chỉ đồng ý bồi thường phần đất đã múc (bị sạt lở 12m2) theo giá trị định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong vụ án là 230.400 đồng cho ông T, bà Li.

Không chấp nhận bồi thường thiệt hại tài sản là 17.100.000 (mười bảy triệu một trăm ngàn) đồng như ông T, bà Li yêu cầu. Bởi vì, việc vết xe ủi, xe múc đi qua đất của ông T, bà Li gây thiệt hại tài sản là không phải bị đơn gây ra. Còn việc yêu cầu xây bờ kè chống sạt lở đất về sau này bị đơn cũng không đồng ý, vì việc có xây bờ kè chống sạt lở hay không là việc của bị đơn, bị đơn sẽ có biện pháp khác để không gây thiệt hại tài sản của người.

Về phần chi phí đo vẽ tố tụng và tiền án phí: Bị đơn Nguyễn Thị L đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Cao Văn B, Bà Cao Thị Hi có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai trong hồ sơ về việc sang nhượng diện tích đất cho hộ ông S, bà L và hộ ông T, bà Li.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Phú Hoàng D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai trong hồ sơ về việc vết xe ủi, xe múc đi qua đất của ông T, bà Li là do ông đi qua để gửi xe và việc đi qua đi lại trong gần 02 năm ông T, bà Li đều biết và được sự cho phép của chủ đất nên mới đi qua. Nên nguyên đơn yêu cầu ông S, bà L bồi thường là không đúng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp sơ thẩm.

Về nội dung: Tại phiên tòa, Nguyên đơn yêu cầu bị đơn bồi thường số tiền 12m2 đất bị sạt lở theo quy định của pháp luật sau khi đã trừ đi phần rút một phần yêu cầu phản tố cho nguyên đơn, bị đơn chỉ đồng ý bồi thường số tiền trên cho nguyên đơn số tiền theo biên bản định giá tài sản ngày 15/8/2017 nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn về khoản tiền bồi thường nói trên.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn ông S, bà L phải bồi thường thiệt hại tài sản là 17.100.000 (mười bảy triệu một trăm ngàn) đồng; Không chấp nhận yêu cầu nguyên đơn đối với bị đơn về việc xây bờ kè và có biện pháp chống sạt lở đất.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa; Ý kiến của nguyên đơn, bị đơn, ý kiến đại diện Viện kiểm sát. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Cao Văn B, bà Cao Thị H và ông Trần Phú Hoàng D đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử nhưng vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử xét thấy việc xét xử vắng mặt họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, đồng thời nguyên đơn và bị đơn đồng ý xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan do đó Tòa án nhân dân huyện K căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về việc giải quyết vụ án:

- Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T cho rằng: Bị đơn ông Nguyễn Trọng S và bà Nguyễn Thị L dùng phương tiện cơ giới san lấp mặt bằng đã gây sạt lở lấn qua phần đất của nguyên đơn với diện tích 12m2 đất, nên phải bồi thường giá trị đất sạt lở trên theo quy định của pháp luật cho nguyên đơn, tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu bổ sung buộc bị đơn phải lấp lại diện tích đất như hiện trạng ban đầu đối với phần đất bị sạt lở 12 m2 đất; Tiền công san lấp mặt bằng do vết xe múc, xe ủi đi qua trên đất của gia đình nguyên đơn gây thiệt hại là 17.100.000 (mười bảy triệu một trăm ngàn) đồng. Yêu cầu bị đơn phải xây bờ kè và có các biện pháp chống sạt lở về sau này đối với phần đất giáp ranh với gia đình nguyên đơn.

- Bị đơn Nguyễn Thị L cho rằng: Việc san lấp mặt bằng là do gia đình bị đơn có hợp đồng thuê ông Trần Phú Hoàng D san lấp, hai bên chỉ thỏa thuận về việc san lấp để lấy mặt bằng và thỏa thuận giá cả ngoài ra không có thỏa thuận khác. Trong quá trình san lấp do diện tích đất liền kề với ông T, bà Li nên khi các phương tiện cơ giới thực hiện việc san ủi lấy mặt bằng có làm sạt lở qua đất của nguyên đơn là 12m2 với giá trị định giá là 230.400 đồng, nay nguyên đơn yêu cầu bồi thường theo quy định của pháp luật và phải lấp lại diện tích đất bị như hiện trạng ban đầu đối với phần đất bị sạt lở 12 m2 đất, bị đơn chỉ đồng ý bồi thường theo giá trị định giá của hội đồng định giá tài sản cho nguyên đơn; Đối với yêu cầu bị đơn bồi thường tiền công san lấp mặt bằng do vết xe múc, xe ủi đi qua trên đất của nguyên đơn gây thiệt hại là tổng cộng là 17.100.000 (mười bảy triệu một trăm ngàn) đồng bị đơn không chấp nhận. Bởi vì, việc vết xe ủi, xe múc đi qua đất của ông T, bà Li gây thiệt hại tài sản là không phải bị đơn gây ra; Còn việc nguyên đơn yêu cầu gia đình bị đơn phải xây bờ kè và có biện pháp

chống sạt lở cũng không đồng ý, vì việc có xây bờ kè chống sạt lở hay không là việc của bị đơn, bị đơn sẽ có biện pháp khác để không gây thiệt hại tài sản của người.

Hội đồng xét xử xét thấy: Bị đơn bà Nguyễn Thị L có hợp đồng thuê ông Trần Phú Hoàng D san lấp mặt bằng là có thực, thể hiện qua lời khai của bị đơn, nguyên đơn và lời khai có trong hồ sơ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Phú Hoàng D. Việc san lấp mặt bằng của bị đơn đã làm sạt lở qua đất của nguyên đơn là 12m2 tại lô đất thuộc tổ 4, thị trấn K, huyện K, tỉnh Khánh Hòa, việc này đã được Cơ quan đo đạc thể hiện trên bản vẽ về diện tích bị sạt lở (Có bản vẽ kèm theo). Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải bồi thường giá trị theo theo quy định của pháp luật, không đưa ra được con số cụ thể để bồi thường nên Hội đồng xét xử căn cứ vào biên bản định giá tài sản ngày 15/8/2017 để làm căn cứ bồi thường. Tại phiên tòa, bị đơn đồng ý bồi thường 12m2 đất bị sạt lở là 230.400 đồng cho nguyên đơn, nên Hội đồng chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn. Đối với yêu cầu bổ sung tại phiên tòa là buộc bị đơn phải lấp lại diện tích đất như hiện trạng ban đầu đối với phần đất bị sạt lở 12 m2 đất. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi nguyên đơn có đơn phản tố, quá trình giải quyết vụ án cho đến khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử nguyên đơn không đề cập vấn đề này nên không có cơ sở để xét.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải bồi thường về việc xe cơ giới đi qua đất của nguyên đơn gây thiệt hại tổng cộng là 17.100.000 đồng. Hội đồng xét thấy, việc gia đình bị đơn chỉ hợp đồng việc san lấp mặt bằng còn việc xe đi qua đâu, qua đất của ai, gửi xe nhà ai thì bị đơn không có thỏa thuận việc này đã thể hiện qua lời khai của bị đơn và lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Phú Hoàng D có trong hồ sơ vụ án nên yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn là không có cơ sở để chấp nhận.

Về phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn: Phải xây bờ kè và có các biện pháp chống sạt lở phần đất giáp ranh với gia đình nguyên đơn. Yêu cầu này Hội đồng xét xử cũng không có cơ sở để chấp nhận. Bởi lẽ, việc san ủi lấy mặt bằng, do bị đơn xác định ranh giới theo chủ đất chỉ ranh khi nhận sang nhượng diện tích đất nên có sự nhầm lẫn ranh giới đất so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên có san ủi, múc đất lấn qua 12 m2 đất của nguyên đơn, bị đơn đã đồng ý bồi thường cho nguyên đơn. Do đó, việc thực hiện quyền sử dụng đất trong diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận của bị đơn là đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, bị đơn trình bày là sẽ có biện chống sạt lở về sau này nên ghi nhận.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Cao Văn B, bà Cao Thị H, ông Trần Phú Hoàng D đều vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai trong hồ sơ vụ án và đều xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Các vấn đề giải quyết giữa nguyên đơn, bị đơn không ảnh hưởng đến quyền lợi của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí, chi phí tố tụng:

- Đối với số tiền tạm ứng chi phí đo vẽ, định giá tài sản và tiền tạm ứng án phí dân sự mà bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Trọng S đã nộp, do bà Luyện tự nguyện

rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện trước khi đưa vụ án ra xét xử. Tòa án đã ra quyết định đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Luyện ông Sỹ và đã xử lý xong số tiền tạm ứng án phí và tiền chi phí tố tụng đối với bà Luyện (theo giấy quyết toán chi phí tố tụng ngày 30/8/2017).

- Đối với số tiền tạm ứng chi phí đo vẽ và tiền tạm ứng án phí dân sự do ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thu Li đã nộp gồm: 2.500.000 đồng tiền tạm ứng đo vẽ phần đất sạt lở; 915.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm. Ngày 29/8/2017 ông Nguyễn Văn T đã nhận lại 1.310.000 đồng tiền đo vẽ (theo giấy quyết toán chi phí tố tụng ngày 29/8/2017). Còn lại số tiền đã chi phí đo vẽ 1.190.000 đồng (Có hóa đơn kèm theo hồ sơ) và tiền tạm ứng án án phí dân sự 915.000 đồng xử lý như sau:

+ Bị đơn ông Nguyễn Trọng S và bà Nguyễn Thị L phải chịu tiền chi phí đo vẽ phần sạt lở đất là 1.190.000 đồng. Tuy nhiên, ông T, bà Li đã nộp số tiền trên nên ông S, bà L phải hoàn trả lại 1.190.000 đồng tiền tạm ứng chi phí tố tụng cho nguyên đơn theo quy định tại Khoản 1 Điều 158 Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời bà L ông S còn phải chịu tiền án phí dân sự có giá ngạch đối với 12m2 đất bị sạt lở là 300.000 đồng.

+ Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với việc yêu cầu bị đơn phải xây bờ kè và có biện pháp chống sạt lở mà không được Hội đồng xét xử chấp nhận là 300.000 đồng và tiền án phí có giá ngạch không được Hội đồng xét xử chấp nhận là: 17.100.000đ x 5% = 855.000 đồng. Ông Nguyễn Văn T bà Nguyễn Thu Li đã nộp tạm ứng án phí tổng cộng là 919.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2012/0006428 ngày 16/03/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Như vậy, ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thu Li còn phải nộp thêm số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 236.000 đồng. Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thu Li được ông Nguyễn Trọng S, bà Nguyễn Thị L hoàn lại số tiền tạm ứng chi phí tố tụng là 1.190.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 170, 584, 585 và Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Khoản 1 Điều 147, Điều 227, Khoản 1 Điều 158, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 và Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn về khoản tiền bồi thường thiệt hại tài sản đối với 12m2 phần đất bị sạt lở tại lô đất thuộc tổ 4, thị trấn K, huyện K, tỉnh Khánh Hòa với giá trị định giá tài sản là 230.400 đồng (Có bản vẽ kèm theo). Bị đơn phải bồi thường cho nguyên đơn số tiền 230.400 (hai trăm ba mươi ngàn bốn trăm) đồng.

2. Không chấp nhận các yêu cầu của nguyên đơn như sau:

+ Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn ông Nguyễn Trọng S và bà Nguyễn Thị L phải xây dựng bờ kè và có biện pháp chống sạt lở đất;

+ Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn ông Nguyễn Trọng S và bà Nguyễn Thị L phải bồi thường thiệt hại tài sản đối với vết xe cơ giới đi qua đất của nguyên đơn gây thiệt hại 17.100.000 (mười bảy triệu một trăm ngàn) đồng.

3.Về án phí dân sự, và tiền chi phí tố tụng:

- **Đối với bị đơn:**

Về án phí: Bị đơn ông Nguyễn Trọng S và bà Nguyễn Thị L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Về chi phí tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Trọng S và bà Nguyễn Thị L phải hoàn lại số tiền chi phí đo vẽ là 1.190.000 đồng cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn T và Nguyễn Thu Li.

- **Đối với nguyên đơn:**

Về án phí: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thu Li phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng và tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 855.000 (Tám trăm năm mươi lăm ngàn) đồng. Tổng cộng ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thu Li phải nộp 1.155.000 (Một triệu một trăm mười lăm ngàn) đồng nhưng được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp là 919.000 (Chín trăm mười chín ngàn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2012/0006428 ngày 16 tháng 03 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K. Như vậy, ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thu Li còn phải nộp thêm số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 236.000 đồng.

Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thu Li được hoàn lại số tiền tạm ứng chi phí tố tụng là 1.190.000 đồng.

Quy định:

Kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền phải thi thành án thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. **Quyền kháng cáo:** Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Khánh Vĩnh;
- THADS huyện Khánh Vĩnh;
- UBND thị trấn Khánh Vĩnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

PHÙNG VĂN THỨC